

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

CÔNG TY CỔ PHẦN PIN HÀ NỘI

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022
(đã được kiểm toán)



CÔNG TY CỔ PHẦN PIN HÀ NỘI

Số 72, Đường Phan Trọng Tuệ, Thị trấn Văn Điển, Huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội

NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Giám đốc	02-03
Báo cáo kiểm toán độc lập	04-05
Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	06-34
Bảng cân đối kế toán	06-07
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	08
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	09-10
Thuyết minh Báo cáo tài chính	11-34

CÔNG TY CỔ PHẦN PIN HÀ NỘI

Số 72, Đường Phan Trọng Tuệ, Thị trấn Văn Điển, Huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Pin Hà Nội (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Pin Hà Nội là Công ty Cổ phần được chuyển đổi từ Công ty Pin Hà Nội theo Quyết định số 207/2003/QĐ - BCN ngày 03/12/2003 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp, hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực sản xuất công nghiệp. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0100100752 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 02 tháng 01 năm 2004, đăng ký thay đổi lần thứ 13 ngày 17 tháng 07 năm 2020.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Số 72, Đường Phan Trọng Tuệ, Thị trấn Văn Điển, Huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng quản trị trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Phạm Văn Nghĩa	Chủ tịch	
Ông Nguyễn Thanh Hùng	Ủy viên	
Ông Nguyễn Cao Sơn	Ủy viên	
Ông Võ Khánh Toàn	Ủy viên	
Bà Quek Guet Nghoh	Ủy viên	
Ông Lam Hin Lap Michael	Ủy viên	Bỏ nhiệm ngày 29 tháng 04 năm 2022
Ông Yarmalu Prasad Tantry	Ủy viên	Bỏ nhiệm ngày 29 tháng 04 năm 2022
Ông Tsui Wing Fai	Ủy viên	Miễn nhiệm ngày 01 tháng 03 năm 2022
Ông Nguyễn Thanh Quang	Ủy viên	Miễn nhiệm ngày 29 tháng 04 năm 2022

Các thành viên của Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Nguyễn Thanh Hùng	Giám đốc
Ông Nguyễn Cao Sơn	Phó Giám đốc
Ông Võ Khánh Toàn	Phó Giám đốc

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Bà Nguyễn Thị Thanh Hải	Trưởng ban
Ông Nguyễn Thanh Đức	Thành viên
Ông Huỳnh Tín Đình	Thành viên

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính cho Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN PIN HÀ NỘI

Số 72, Đường Phan Trọng Tuệ, Thị trấn Văn Điển, Huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính;
- Lập các Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2022, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Cam kết khác

Ban Giám đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ về quy định chi tiết hướng dẫn thi hành một số điều của luật chứng khoán và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

Thay mặt Ban Giám đốc



Nguyễn Thanh Hùng

Giám đốc

Hà Nội, ngày 09 tháng 03 năm 2023

Số: 190323.006/BCTC.KT2

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Pin Hà Nội**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Pin Hà Nội được lập ngày 09 tháng 03 năm 2023, từ trang 06 đến trang 34, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Pin Hà Nội tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC



Vũ Xuân Biền

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 0743-2023-002-1

Nguyễn Trung Kiên

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 5136-2020-002-1

Hà Nội, ngày 19 tháng 03 năm 2023

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2022	01/01/2022
			VND	VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		114.826.641.566	134.138.647.557
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	14.976.997.877	21.129.476.056
111	1. Tiền		14.976.997.877	14.129.476.056
112	2. Các khoản tương đương tiền		-	7.000.000.000
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	4	10.026.739.726	-
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		10.026.739.726	-
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		25.468.849.246	26.229.013.850
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	18.135.784.426	23.624.760.022
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6	5.844.111.060	8.123.401
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	7	1.825.459.316	2.941.099.965
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(336.505.556)	(344.969.538)
140	IV. Hàng tồn kho	9	63.648.883.200	86.011.137.685
141	1. Hàng tồn kho		63.888.930.928	86.251.185.413
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(240.047.728)	(240.047.728)
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		705.171.518	769.019.966
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	12	306.802.617	128.754.056
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		-	241.897.009
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	15	398.368.901	398.368.901
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		32.244.116.180	35.958.584.372
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		20.000.000	20.000.000
216	1. Phải thu dài hạn khác	7	20.000.000	20.000.000
220	II. Tài sản cố định		11.703.554.261	15.392.121.621
221	1. Tài sản cố định hữu hình	10	11.703.554.261	15.392.121.621
222	- Nguyên giá		72.581.459.575	78.367.728.942
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(60.877.905.314)	(62.975.607.321)
227	2. Tài sản cố định vô hình	11	-	-
228	- Nguyên giá		97.244.000	40.000.000
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(97.244.000)	(40.000.000)
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn		-	1.203.817.799
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		-	1.203.817.799
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn	4	19.175.014.246	18.150.014.246
253	1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		27.000.014.246	27.000.014.246
254	2. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn		(7.825.000.000)	(8.850.000.000)
260	VI. Tài sản dài hạn khác		1.345.547.674	1.192.630.706
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	12	1.345.547.674	1.192.630.706
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		147.070.757.747	170.097.231.929

CÔNG TY CỔ PHẦN PIN HÀ NỘISố 72, Đường Phan Trọng Tuệ, Thị trấn Văn Điển,
Huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁNTại ngày 31 tháng 12 năm 2022
(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2022	01/01/2022
			VND	VND
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		21.664.959.369	59.592.280.770
310	I. Nợ ngắn hạn		21.664.959.369	59.592.280.770
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	13	4.142.593.816	3.082.171.047
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	14	221.066.942	471.908.599
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	15	4.077.771.718	1.397.116.345
314	4. Phải trả người lao động		6.577.433.412	5.557.400.303
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	16	3.218.899.442	2.806.903.732
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	17	3.191.187.290	24.102.037.574
320	7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	18	-	21.870.776.420
322	8. Quỹ khen thưởng phúc lợi		236.006.750	303.966.750
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		125.405.798.377	110.504.951.159
410	I. Vốn chủ sở hữu	19	125.405.798.377	110.504.951.159
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		72.539.110.000	72.539.110.000
411a	Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		72.539.110.000	72.539.110.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		1.016.053.718	1.016.053.718
418	3. Quỹ đầu tư phát triển		26.548.272.308	17.422.362.472
421	4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		25.302.362.351	19.527.424.969
421a	LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước		6.701.065.757	7.242.503.017
421b	LNST chưa phân phối kỳ này		18.601.296.594	12.284.921.952
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		147.070.757.747	170.097.231.929


Đỗ Thị Lê Mai
Người lập

Nguyễn Thị Thùy Dương
Trưởng phòng TC - KTNguyễn Thanh Hùng
Giám đốc

Hà Nội, ngày 09 tháng 03 năm 2023

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2022

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2022	Năm 2021
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	21	474.395.343.074	376.789.645.371
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	22	12.996.154.756	12.495.018.878
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		461.399.188.318	364.294.626.493
11	4. Giá vốn hàng bán	23	378.680.709.674	292.654.531.870
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		82.718.478.644	71.640.094.623
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	24	1.348.258.178	223.887.823
22	7. Chi phí tài chính	25	8.867.952.331	8.321.169.088
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		230.062.092	272.803.719
25	8. Chi phí bán hàng	26	11.351.801.574	10.323.897.299
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	27	17.654.451.618	15.664.527.850
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		46.192.531.299	37.554.388.209
31	11. Thu nhập khác		20.936.794	555.944.938
32	12. Chi phí khác		55.141.327	-
40	13. Lợi nhuận khác		(34.204.533)	555.944.938
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		46.158.326.766	38.110.333.147
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	28	9.422.252.672	7.690.633.695
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		<u>36.736.074.094</u>	<u>30.419.699.452</u>
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	29	5.064	4.194



Đỗ Thị Lê Mai
Người lập



Nguyễn Thị Thùy Dương
Trưởng phòng TC - KT




Nguyễn Thanh Hùng
Giám đốc

Hà Nội, ngày 09 tháng 03 năm 2023

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Năm 2022

(Theo phương pháp trực tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2022	Năm 2021
			VND	VND
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
01	1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác		442.739.235.870	368.729.605.697
02	2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ		(348.388.558.287)	(312.383.417.898)
03	3. Tiền chi trả cho người lao động		(35.008.979.709)	(36.712.074.315)
04	4. Tiền lãi vay đã trả		(243.650.604)	(259.215.207)
05	5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(7.460.633.695)	(9.232.890.412)
06	6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		39.972.734.445	24.609.303.908
07	7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(31.962.970.251)	(27.409.241.527)
20	<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</i>		<i>59.647.177.769</i>	<i>7.342.070.246</i>
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(794.003.306)	(3.210.401.323)
23	2. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(11.426.739.726)	-
24	3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		1.400.000.000	-
27	4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		260.211.989	124.010.452
30	<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>		<i>(10.560.531.043)</i>	<i>(3.086.390.871)</i>
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
33	1. Tiền thu từ đi vay		29.270.053.685	49.419.359.481
34	2. Tiền trả nợ gốc vay		(51.094.705.120)	(27.548.583.061)
35	2. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính		-	-
36	3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(33.323.916.600)	(21.772.035.000)
40	<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>		<i>(55.148.568.035)</i>	<i>98.741.420</i>
50	<i>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</i>		<i>(6.061.921.309)</i>	<i>4.354.420.795</i>

CÔNG TY CỔ PHẦN PIN HÀ NỘI

Số 72, Đường Phan Trọng Tuệ, Thị trấn Văn Điển,
Huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Năm 2022

(Theo phương pháp trực tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2022	Năm 2021
			VND	VND
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ		21.129.476.056	16.792.455.825
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		(90.556.870)	(17.400.564)
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	3	<u>14.976.997.877</u>	<u>21.129.476.056</u>



Đỗ Thị Lê Mai
Người lập

Nguyễn Thị Thùy Dương
Trưởng phòng TC - KT

Nguyễn Thanh Hùng
Giám đốc

Hà Nội, ngày 09 tháng 03 năm 2023

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2022

1 . ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Pin Hà Nội là Công ty Cổ phần được chuyển đổi từ Công ty Pin Hà Nội theo Quyết định số 207/2003/QĐ - BCN ngày 03/12/2003 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp, hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực sản xuất công nghiệp. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0100100752 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 02 tháng 01 năm 2004, đăng ký thay đổi lần thứ 13 ngày 17 tháng 07 năm 2020.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Số 72, Đường Phan Trọng Tuệ, Thị trấn Văn Điển, Huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 72.539.110.000 đồng, vốn điều lệ thực góp đến ngày 31 tháng 12 năm 2022 là 72.539.110.000 đồng; tương đương 7.253.911 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 là: 282 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 là: 290 người).

Lĩnh vực kinh doanh

Sản xuất và kinh doanh thương mại.

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là:

- Sản xuất pin và ác quy;
- Bán buôn pin các loại, nguyên vật liệu phục vụ sản xuất pin;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê, chỉ gồm có: cho thuê nhà xưởng, nhà làm việc, kho bãi;
- Xuất nhập khẩu trực tiếp nguyên vật liệu, sản phẩm pin các loại và máy móc, thiết bị phục vụ sản xuất kinh doanh.

Cấu trúc doanh nghiệp

Công ty có đơn vị trực thuộc là chi nhánh tại Thành phố Hồ Chí Minh với hoạt động chính là kinh doanh pin các loại.

2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

2.3 . Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

Báo cáo tài chính của Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp các báo cáo tài chính của các đơn vị thành viên hạch toán độc lập và của Văn phòng Công ty.

Trong Báo cáo tài chính của Công ty, các nghiệp vụ giao dịch nội bộ và số dư nội bộ có liên quan đến tài sản, nguồn vốn và công nợ phải thu, phải trả nội bộ đã được loại trừ toàn bộ.

2.4 . Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm do Thông tư số 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính.

2.5 . Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng ngoại tệ trong năm tài chính được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính được xác định theo nguyên tắc:

- Đối với khoản mục phân loại là tài sản: áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch;
- Đối với tiền gửi ngoại tệ: áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả: áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ thời điểm lập Báo cáo tài chính được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính.

2.6 . Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

2.7 . Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm: các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác không có quyền kiểm soát đối với bên được đầu tư. Giá trị ghi sổ ban đầu của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Dự phòng giảm giá đối với khoản đầu tư nắm giữ lâu dài (không phân loại là chứng khoán kinh doanh) và không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm: khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo nên việc lập dự phòng căn cứ vào Báo cáo tài chính tại thời điểm trích lập dự phòng của bên được đầu tư.

2.8 . Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải thu được phân loại là ngắn hạn và dài hạn trên Báo cáo tài chính căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày báo cáo.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

2.9 . Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp nhập trước, xuất trước.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang cuối kỳ: chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo chi phí phát sinh thực tế cho từng loại sản phẩm chưa hoàn thành.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối kỳ là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

2.10 . Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 30	năm
- Máy móc, thiết bị	05 - 10	năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 10	năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 05	năm
- Phần mềm quản lý	03	năm

2.11 . Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm tài sản cố định đang mua sắm và xây dựng mà chưa hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí về xây dựng, lắp đặt máy móc thiết bị và các chi phí trực tiếp khác.

2.12 . Thuê hoạt động

Thuê hoạt động là loại hình thuê tài sản cố định mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.

2.13 . Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các năm tài chính sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng năm tài chính được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý.

Các loại chi phí trả trước của Công ty bao gồm:

- Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản mà Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu đồng và do đó không đủ điều kiện để ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá công cụ dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 03 tháng đến 24 tháng.
- Chi phí sửa chữa lớn Tài sản cố định được ghi nhận theo chi phí thực tế phát sinh và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 12 tháng đến 36 tháng.
- Chi phí trả trước khác được ghi nhận theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu dụng từ 12 tháng đến 36 tháng.

2.14 . Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Báo cáo tài chính căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày báo cáo.

2.15 . Vay

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng kế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay. Trường hợp vay, nợ bằng ngoại tệ thì thực hiện theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

2.16 . Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

2.17 . Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong năm báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác như chi phí lãi vay phải trả, phải trả về chiết khấu thương mại và chiết khấu thanh toán... được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong kỳ. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

2.18 . Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh chênh lệch giữa mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu và giá phát hành cổ phiếu (kể cả các trường hợp tái phát hành cổ phiếu quỹ) và có thể là thặng dư dương (nếu giá phát hành cao hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu) hoặc thặng dư âm (nếu giá phát hành thấp hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu).

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.

2.19 . Doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định trong đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

2.20 . Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ phát sinh trong năm gồm: Chiết khấu thương mại và hàng bán bị trả lại.

Các khoản chiết khấu thương mại, hàng bán bị trả lại phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh. Trường hợp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ sau mới phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc: nếu phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính thì ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của kỳ lập báo cáo (kỳ trước), và nếu phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính thì ghi giảm doanh thu của kỳ phát sinh (kỳ sau).

2.21 . Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán trong kỳ được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong kỳ và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

2.22 . Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí đi vay vốn;
- Chiết khấu thanh toán;
- Dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN PIN HÀ NỘI

Số 72, Đường Phan Trọng Tuệ, Thị trấn Văn Điển,
Huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

2.23 . Thuế thu nhập doanh nghiệp

a) Chi phí thuế TNDN hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong kỳ và thuế suất thuế TNDN trong kỳ kế toán hiện hành.

b) Thuế suất thuế TNDN hiện hành

Công ty hiện đang áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 20% đối với các hoạt động sản xuất kinh doanh có thu nhập chịu thuế TNDN cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2022.

2.24 . Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập Quỹ Khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ.

2.25 . Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

2.26 . Thông tin bộ phận

Công ty hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực sản xuất và kinh doanh các sản phẩm về pin, hoạt động dịch vụ chiếm tỷ trọng không đáng kể trong kết quả hoạt động kinh doanh và trong tổng giá trị tài sản của Công ty. Bên cạnh đó, hoạt động của Công ty chủ yếu diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam. Do vậy, Công ty không lập báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và theo khu vực địa lý.

3 . TIỀN

	<u>31/12/2022</u>	<u>01/01/2022</u>
	VND	VND
Tiền mặt	106.558.328	161.396.087
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	14.870.439.549	13.968.079.969
Các khoản tương đương tiền	-	7.000.000.000
	<u>14.976.997.877</u>	<u>21.129.476.056</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN PIN HÀ NỘI

Số 72, Đường Phan Trọng Tuệ, Thị trấn Văn Điển, Huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội

4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH**a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

	31/12/2022		31/12/2022	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Đầu tư ngắn hạn	10.026.739.726	-	-	-
- Tiền gửi có kỳ hạn (*)	10.026.739.726	-	-	-

(*) Tại ngày 31/12/2022, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là tiền gửi có kỳ hạn từ 4 tháng đến 6 tháng được gửi tại Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn Thương Tín (Sacombank) với lãi suất từ 4%/năm đến 5,5 %/năm.

b) Đầu tư vào đơn vị khác

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
- Công ty TNHH Pin GP (Việt Nam) (*)	27.000.000.000	(7.825.000.000)	27.000.000.000	(8.850.000.000)
- Ngân hàng Thương mại Cổ phần Xuất nhập khẩu Việt Nam (EIB)	14.246	-	14.246	-
	27.000.014.246	(7.825.000.000)	27.000.014.246	(8.850.000.000)

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

(*) Theo Hợp đồng liên doanh giữa Công ty Cổ phần Pin Hà Nội và GP Batteries International Ltd, Công ty TNHH Pin GP (Việt Nam) được thành lập và hoạt động tại tỉnh Hà Nam, Việt Nam với vốn điều lệ là 4.000.000 USD, trong đó Công ty Cổ phần Pin Hà Nội đóng góp 1.200.000 USD tương đương 30% vốn điều lệ. Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty TNHH Pin GP (Việt Nam) là sản xuất, kinh doanh pin và máy móc thiết bị sản xuất pin.

Theo Nghị quyết số 117A/2019/NQ-HĐQT/PHN ngày 22 tháng 05 năm 2019, Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Pin Hà Nội đã thông qua phương án tăng vốn tại Công ty TNHH Pin GP (Việt Nam) và không tham gia góp vốn trong đợt tăng vốn này. Tại thời điểm 01/01/2022 và 31/12/2022, tỷ lệ lợi ích và biểu quyết tại Công ty TNHH Pin GP (Việt Nam) là 9,8%.

CÔNG TY CỔ PHẦN PIN HÀ NỘISố 72, Đường Phan Trọng Tuệ, Thị trấn Văn Điển,
Huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

5 . PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
<i>Bên liên quan</i>	7.569.898.823	-	6.242.722.456	-
Công ty TNHH Pin GP (Việt Nam)	88.447.987	-	2.488.330.267	-
GPI International Limited	6.328.273.952	-	3.754.392.189	-
GP Battery Marketing (HK) Limited	1.153.176.884	-	-	-
<i>Bên khác</i>	10.565.885.603	(336.505.556)	17.382.037.566	(344.969.538)
Công ty Cổ phần Phân phối bán lẻ Toàn Cầu	1.276.300.041	-	306.597.735	-
Phải thu khách hàng khác	9.289.585.562	(336.505.556)	17.075.439.831	(344.969.538)
	18.135.784.426	(336.505.556)	23.624.760.022	(344.969.538)

6 . TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
- Công ty TNHH xuất nhập khẩu Hán Đô Nghi Quảng Tây	2.857.460.765	-	-	-
- PINGXIANG SHI CHENGTAI TRADING CO.,LTD	2.086.419.200	-	-	-
- Công ty Cổ phần kim loại màu Thái Nguyên VIMICO	843.249.329	-	-	-
- Đối tượng khác	56.981.766	-	8.123.401	-
	5.844.111.060	-	8.123.401	-

CÔNG TY CỔ PHẦN PIN HÀ NỘI

Số 72, Đường Phan Trọng Tuệ, Thị trấn Văn Điển,
Huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

7 . PHẢI THU KHÁC

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
a) Ngắn hạn				
a.1) Chi tiết theo nội dung				
Phải thu về lãi tiền gửi, tiền cho vay	117.260.274	-	25.079.452	-
Phải thu về bảo hiểm xã hội	206.853.722	-	227.266.350	-
Phải thu về bảo hiểm y tế	33.447.833	-	31.729.106	-
Phải thu về bảo hiểm thất nghiệp	17.997.237	-	16.392.919	-
Tạm ứng	371.676.748	-	331.968.696	-
Ký cược, ký quỹ	1.000.000.000	-	2.036.815.000	-
Phải thu khác	78.223.502	-	271.848.442	-
	1.825.459.316	-	2.941.099.965	-
a.2) Chi tiết theo đối tượng				
Bên liên quan	78.223.524	-	271.748.442	-
Công ty TNHH Pin GP (Việt Nam)	-	-	1.206.120	-
GPI International Limited	6.258.568	-	6.258.568	-
GP Battery Marketing (Hong Kong) Limited	71.964.956	-	264.283.754	-
Bên khác	1.747.235.792	-	2.669.351.523	-
Phải thu khác	1.747.235.792	-	2.669.351.523	-
	1.825.459.316	-	2.941.099.965	-
b) Dài hạn				
Ký cược, ký quỹ	20.000.000	-	20.000.000	-
	20.000.000	-	20.000.000	-

CÔNG TY CỔ PHẦN PIN HÀ NỘISố 72, Đường Phan Trọng Tuệ, Thị trấn Văn Điển,
Huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

8 . NỢ XẤU

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi				
- Công ty Thương mại Dịch vụ Hải Dương	51.540.380	-	51.540.380	-
- Mai Ngọc Hoà	29.360.789	-	31.160.789	-
- Các khoản khác	255.604.387	-	275.188.510	12.920.141
	336.505.556	-	357.889.679	12.920.141

9 . HÀNG TỒN KHO

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	46.057.838.068	(240.047.728)	72.553.367.307	(240.047.728)
Công cụ, dụng cụ	40.019.350	-	61.030.663	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	6.478.948.138	-	2.655.978.015	-
Thành phẩm	7.176.527.932	-	6.212.100.752	-
Hàng hoá	4.135.597.440	-	4.767.052.864	-
Hàng gửi đi bán	-	-	1.655.812	-
	63.888.930.928	(240.047.728)	86.251.185.413	(240.047.728)

CÔNG TY CỔ PHẦN PIN HÀ NỘI

Báo cáo tài chính

Số 72, Đường Phan Trọng Tuệ, Thị trấn Văn Điển, Huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

10 . TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc		Máy móc, thiết bị		Phương tiện vận tải, truyền dẫn		Thiết bị, dụng cụ quản lý		Cộng	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá										
Số dư đầu kỳ	12.087.131.167	59.207.669.292	6.634.358.231	438.570.252	78.367.728.942					
- Mua trong kỳ	-	1.562.150.641	276.985.000	-	1.839.135.641					
- Thanh lý, nhượng bán	(191.400.000)	(7.302.237.194)	(74.523.814)	-	(7.568.161.008)					
- Phân loại lại	-	364.579.890	(356.367.002)	(8.212.888)	-					
- Giảm khác	-	-	-	(57.244.000)	(57.244.000)					
Số dư cuối kỳ	11.895.731.167	53.832.162.629	6.480.452.415	373.113.364	72.581.459.575					
Giá trị hao mòn lũy kế										
Số dư đầu kỳ	12.087.131.167	45.364.433.805	5.224.094.724	299.947.625	62.975.607.321					
- Khấu hao trong kỳ	-	5.090.497.734	377.323.807	59.881.460	5.527.703.001					
- Thanh lý, nhượng bán	(191.400.000)	(7.302.237.194)	(74.523.814)	-	(7.568.161.008)					
- Phân loại lại	-	157.853.018	(189.883.768)	32.030.750	-					
- Giảm khác	-	-	-	(57.244.000)	(57.244.000)					
Số dư cuối kỳ	11.895.731.167	43.310.547.363	5.337.010.949	334.615.835	60.877.905.314					
Giá trị còn lại										
Tại ngày đầu kỳ	-	13.843.235.487	1.410.263.507	138.622.627	15.392.121.621					
Tại ngày cuối kỳ	-	10.521.615.266	1.143.441.466	38.497.529	11.703.554.261					
<i>Trong đó:</i>										
- Nguyên giá tài sản cố định hữu hình cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 45.883.654.640 VND.										

11 TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

Tài sản cố định vô hình của Công ty là các phần mềm kế toán đã hết khấu hao nhưng vẫn còn đang sử dụng với nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế tại thời điểm 31/12/2022 là 97.244.000 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN PIN HÀ NỘI

Số 72, Đường Phan Trọng Tuệ, Thị trấn Văn Điển,
Huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

12 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
Công cụ dụng cụ xuất dùng	13.343.246	73.373.226
Chi phí mua bảo hiểm	190.573.956	15.380.830
Chi phí sửa chữa lớn Tài sản cố định	102.885.416	40.000.000
	<u>306.802.617</u>	<u>128.754.056</u>
b) Dài hạn		
Công cụ dụng cụ xuất dùng	449.623.946	139.894.897
Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định chờ phân bổ	549.639.608	977.974.496
Chi phí trả trước dài hạn khác	346.284.120	74.761.313
	<u>1.345.547.674</u>	<u>1.192.630.706</u>

13 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
Bên liên quan	1.637.869.963	1.637.869.963	-	-
Công ty TNHH Pin GP (Việt Nam)	1.637.869.963	1.637.869.963	-	-
Bên khác	2.504.723.853	2.504.723.853	3.082.171.047	3.082.171.047
Chi nhánh Công ty TNHH Toyota Tsusho Việt Nam Tại TPHCM	2.102.760.000	2.102.760.000	618.750.000	618.750.000
Phải trả nhà cung cấp khác	401.963.853	401.963.853	2.463.421.047	2.463.421.047
	<u>4.142.593.816</u>	<u>4.142.593.816</u>	<u>3.082.171.047</u>	<u>3.082.171.047</u>

14 . NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
- Công ty Cổ phần Thiết bị phụ tùng Đình Vũ	35.654.850	-
- Người mua khác trả tiền trước	185.412.092	471.908.599
	<u>221.066.942</u>	<u>471.908.599</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN PIN HÀ NỘI

Số 72, Đường Phan Trọng Tuệ, Thị trấn Văn Điển, Huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

15 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số phải thu đầu kỳ	Số phải nộp đầu kỳ	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	Số phải thu cuối kỳ	Số phải nộp cuối kỳ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế Giá trị gia tăng	-	8.988.138	12.631.676.099	12.166.674.882	-	473.989.355
Thuế Xuất khẩu, Nhập khẩu	398.368.901	-	282.158.157	282.158.157	398.368.901	-
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	-	1.310.633.695	9.422.252.672	7.460.633.695	-	3.272.252.672
Thuế Thu nhập cá nhân	-	54.567.329	1.223.757.668	970.956.198	-	307.368.799
Thuế Tài nguyên	-	-	119.475.972	119.475.972	-	-
Thuế Nhà đất, Tiền thuế đất	-	-	3.493.580.963	3.493.580.963	-	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	22.927.183	13.999.859	12.766.151	-	24.160.891
	398.368.901	1.397.116.345	27.186.901.390	24.506.246.018	398.368.901	4.077.771.718

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

16 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGÂN HẠN

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
- Chi phí lãi vay	-	13.588.512
- Chiết khấu thanh toán, chiết khấu thương mại	1.711.077.491	2.239.120.581
- Chi phí phải trả khác	1.507.821.951	554.194.639
	3.218.899.442	2.806.903.732

17 . PHẢI TRẢ NGÂN HẠN KHÁC

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
- Kinh phí công đoàn	90.063.137	148.745.388
- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	2.953.999.997	11.423.533.613
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả	83.513.500	12.371.088.200
- Phải trả phụ cấp Hội đồng quản trị không tham gia điều hành	39.000.000	108.000.000
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	24.610.656	50.670.373
	3.191.187.290	24.102.037.574

CÔNG TY CỔ PHẦN PIN HÀ NỘI

Số 72, Đường Phan Trọng Tuệ, Thị trấn Văn Điển, Huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

18 . VAY NGẮN HẠN

	01/01/2022		Trong kỳ		31/12/2022	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Vay ngắn hạn	21.870.776.420	21.870.776.420	29.279.682.525	51.150.458.945	-	-
- Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Thanh Trì	7.000.000.000	7.000.000.000	17.000.000.000	24.000.000.000	-	-
- Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam - Chi nhánh Thủ Đức	14.870.776.420	14.870.776.420	12.279.682.525	27.150.458.945	-	-
	21.870.776.420	21.870.776.420	29.279.682.525	51.150.458.945	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN PIN HÀ NỘI

Báo cáo tài chính

Số 72, Đường Phan Trọng Tuệ, Thị trấn Văn Điển, Huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

19 . VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu		Thặng dư vốn cổ phần		Quỹ đầu tư phát triển		Lợi nhuận chưa phân phối		Cộng	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu kỳ trước	72.539.110.000	1.016.053.718	5.638.843.012	35.634.626.677	114.828.633.407					
Lãi trong kỳ trước	-	-	-	30.419.699.452	30.419.699.452					
Phân phối lợi nhuận	-	-	11.783.519.460	(12.433.519.460)	(650.000.000)					
Trả cổ tức 2020	-	-	-	(15.958.604.200)	(15.958.604.200)					
Tạm ứng cổ tức 2021	-	-	-	(18.134.777.500)	(18.134.777.500)					
Số dư cuối kỳ trước	72.539.110.000	1.016.053.718	17.422.362.472	19.527.424.969	110.504.951.159					
Số dư đầu kỳ này	72.539.110.000	1.016.053.718	17.422.362.472	19.527.424.969	110.504.951.159					
Lãi trong kỳ này	-	-	-	36.736.074.094	36.736.074.094					
Phân phối lợi nhuận	-	-	9.125.909.836	(9.775.909.836)	(650.000.000)					
Chi trả cổ tức lần 3 năm 2021 (*)	-	-	-	(2.901.564.400)	(2.901.564.400)					
Tạm ứng cổ tức năm 2022 (**)	-	-	-	(18.134.777.500)	(18.134.777.500)					
Giảm khác	-	-	-	(148.884.976)	(148.884.976)					
Số dư cuối kỳ này	72.539.110.000	1.016.053.718	26.548.272.308	25.302.362.351	125.405.798.377					

CÔNG TY CỔ PHẦN PIN HÀ NỘISố 72, Đường Phan Trọng Tuệ, Thị trấn Văn Điển,
Huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

(*) Theo Nghị quyết của Đại Hội đồng cổ đông thường niên số 01/2022/NQ-ĐHĐCĐ ngày 29/04/2021, Công ty công bố việc phân phối lợi nhuận trong kỳ như sau:

	Tỷ lệ (%)	Số tiền VND
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	100,00%	37.662.202.469
Trích Quỹ đầu tư phát triển	24,23%	9.125.909.836
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi	1,73%	650.000.000
Chi trả cổ tức năm 2021 (29% Vốn điều lệ). Trong đó:	55,86%	21.036.341.900
- Đã tạm ứng lần 1, trong tháng 6/2021: 8%		5.803.128.800
- Đã tạm ứng lần 2, trong tháng 01/2022: 17%		12.331.648.700
- Chi trả cổ tức năm 2021 lần 3: 4%		2.901.564.400
Lợi nhuận chưa phân phối	18,19%	6.849.950.733

(**) Theo Nghị quyết của Hội đồng quản trị số 06/2022/NQ-HĐQT ngày 16 tháng 05 năm 2022, Công ty thực hiện tạm ứng cổ tức năm 2022 đợt 1 bằng tiền mặt, tỷ lệ tạm ứng cổ tức 11%/cổ phần (1 cổ phần nhận được 1.100 đồng), tổng số tiền tạm ứng là 7.979.302.100 VND.

(**) Theo Nghị quyết của Hội đồng quản trị số 12/2022/NQ-HĐQT ngày 04 tháng 11 năm 2022, Công ty thực hiện tạm ứng cổ tức năm 2022 đợt 2 bằng tiền mặt, tỷ lệ tạm ứng cổ tức 14%/cổ phần (1 cổ phần nhận được 1.400 đồng) tổng số tiền tạm ứng là 10.155.475.400 VND.

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Tỷ lệ	Cuối kỳ VND	Tỷ lệ	Đầu kỳ VND
GP Batteries International Limited	49,00%	35.542.330.000	49,00%	35.542.330.000
Phạm Văn Nghĩa	5,02%	3.643.500.000	5,02%	3.643.500.000
Các cổ đông khác	45,98%	33.353.280.000	45,98%	33.353.280.000
	100%	72.539.110.000	100%	72.539.110.000

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	72.539.110.000	72.539.110.000
- Vốn góp đầu kỳ	72.539.110.000	72.539.110.000
- Vốn góp cuối kỳ	72.539.110.000	72.539.110.000
Cổ tức, lợi nhuận:		
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả đầu kỳ	12.371.088.200	49.741.500
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả trong kỳ	21.036.341.900	34.093.381.700
+ Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận kỳ trước	2.901.564.400	15.958.604.200
+ Cổ tức, lợi nhuận tạm chia trên lợi nhuận kỳ này	18.134.777.500	18.134.777.500
- Cổ tức, lợi nhuận đã chi trả bằng tiền	(33.323.916.600)	(21.772.035.000)
+ Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận kỳ trước	(15.272.652.600)	(15.972.409.300)
+ Cổ tức, lợi nhuận tạm chia trên lợi nhuận kỳ này	(18.051.264.000)	(5.799.625.700)
- Cổ tức, lợi nhuận còn phải trả cuối kỳ	83.513.500	12.371.088.200

CÔNG TY CỔ PHẦN PIN HÀ NỘISố 72, Đường Phan Trọng Tuệ, Thị trấn Văn Điển,
Huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

d) Cổ phiếu

	31/12/2022	01/01/2022
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	7.253.911	7.253.911
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đầy đủ	7.253.911	7.253.911
- Cổ phiếu phổ thông	7.253.911	7.253.911
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	7.253.911	7.253.911
- Cổ phiếu phổ thông	7.253.911	7.253.911
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)	10.000	10.000

e) Các quỹ công ty

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
Quỹ đầu tư phát triển	26.548.272.308	17.422.362.472
	26.548.272.308	17.422.362.472

20 . CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN VÀ CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG**a) Tài sản thuê ngoài**

Công ty ký các hợp đồng thuê đất với UBND Thành phố Hà Nội với mục đích sản xuất kinh doanh. Theo các hợp đồng này, Công ty phải trả tiền thuê đất hàng năm cho đến ngày đáo hạn hợp đồng theo quy định hiện hành của Nhà nước. Cụ thể như sau:

STT	Bên cho thuê	Vị trí	Diện tích	Thời gian thuê
1	UBND Thành phố Hà Nội	Số 7 ngõ 111 Phan Trọng Tuệ	4.490,4 m ²	50 năm
2	UBND Thành phố Hà Nội	Số 72 Phan Trọng Tuệ	34.665 m ²	Gia hạn từng năm

b) Ngoại tệ các loại

	31/12/2022	01/01/2022
- Đồng đô la Mỹ (USD)	220.952,40	120.482,45

c) Nợ khó đòi đã xử lý

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
Số nợ khó đòi đã xử lý	372.373.344	372.373.344

21 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Doanh thu bán thành phẩm	416.686.623.774	338.701.636.909
Doanh thu bán hàng hóa	6.106.103.217	3.319.135.645
Doanh thu bán vật tư, phế liệu	48.440.634.571	31.392.176.135
Doanh thu cung cấp dịch vụ	3.161.981.512	3.376.696.682
	474.395.343.074	376.789.645.371
Trong đó: Doanh thu đối với các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 34)	84.180.931.271	85.179.304.905

CÔNG TY CỔ PHẦN PIN HÀ NỘISố 72, Đường Phan Trọng Tuệ, Thị trấn Văn Điển,
Huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

22 . CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Chiết khấu thương mại	12.876.288.129	12.485.916.572
Hàng bán bị trả lại	119.866.627	9.102.306
	12.996.154.756	12.495.018.878

23 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Giá vốn của thành phẩm đã bán	326.472.170.909	258.781.165.946
Giá vốn của hàng hóa đã bán	4.454.548.580	2.833.227.546
Giá vốn của vật tư, phế liệu đã bán	47.631.220.433	30.869.301.841
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	122.769.752	173.982.009
Dự phòng/hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	(3.145.472)
	378.680.709.674	292.654.531.870

Trong đó: Mua hàng từ các bên liên quan
(Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 34)

Tổng giá trị mua vào:	15.295.887.676	14.007.520.408
-----------------------	-----------------------	-----------------------

24 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	352.392.811	96.815.931
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	995.865.367	127.071.892
	1.348.258.178	223.887.823

25 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Lãi tiền vay	230.062.092	272.803.719
Chiết khấu thanh toán	7.301.058.667	7.203.397.176
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	2.127.689.414	574.547.616
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ	234.142.158	20.420.577
Dự phòng/Hoàn nhập dự phòng giảm giá tổn thất đầu tư	(1.025.000.000)	250.000.000
	8.867.952.331	8.321.169.088

CÔNG TY CỔ PHẦN PIN HÀ NỘI

Số 72, Đường Phan Trọng Tuệ, Thị trấn Văn Điển,
Huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

26 . CHI PHÍ BÁN HÀNG

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.682.263.433	1.186.802.493
Chi phí nhân công	6.089.414.185	5.785.118.220
Chi phí khấu hao tài sản cố định	246.809.539	293.115.840
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.507.412.803	1.613.388.054
Chi phí khác bằng tiền	825.901.614	1.445.472.692
	11.351.801.574	10.323.897.299

27 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	394.880.117	191.610.461
Chi phí nhân công	8.598.225.507	7.887.675.024
Chi phí khấu hao tài sản cố định	178.641.834	174.238.272
Thuế, phí, lệ phí	3.497.580.963	3.203.509.044
Chi phí dự phòng/hoàn nhập dự phòng	(8.463.982)	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.125.349.733	878.179.272
Chi phí khác bằng tiền	3.868.237.446	3.329.315.777
	17.654.451.618	15.664.527.850

28 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	46.158.326.766	38.110.333.147
Các khoản điều chỉnh tăng	962.340.215	342.835.327
- Chi phí không hợp lệ	728.198.057	321.464.355
- Lỗi đánh giá lại ngoại tệ cuối kỳ	234.142.158	21.370.972
Các khoản điều chỉnh giảm	(9.403.619)	-
Thu nhập chịu thuế TNDN	47.111.263.362	38.453.168.474
Chi phí thuế TNDN hiện hành (thuế suất 20%)	9.422.252.672	7.690.633.695
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp đầu kỳ	1.310.633.695	2.852.890.412
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp trong kỳ	(7.460.633.695)	(9.232.890.412)
Thuế TNDN phải nộp cuối kỳ	3.272.252.672	1.310.633.695

29 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Lợi nhuận thuần sau thuế	36.736.074.094	30.419.699.452
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	36.736.074.094	30.419.699.452
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	7.253.911	7.253.911
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	5.064	4.194

CÔNG TY CỔ PHẦN PIN HÀ NỘISố 72, Đường Phan Trọng Tuệ, Thị trấn Văn Điển,
Huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

Công ty chưa có dự tính trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành trên Lợi nhuận sau thuế tại các thời điểm lập Báo cáo tài chính.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Công ty không có các cổ phiếu có tiềm năng suy giảm lãi trên cổ phiếu.

30 . CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	334.386.965.961	247.607.036.955
Chi phí nhân công	45.353.649.809	47.849.469.135
Chi phí khấu hao tài sản cố định	5.527.703.001	5.964.406.215
Chi phí dịch vụ mua ngoài	6.364.170.703	2.491.567.326
Chi phí khác bằng tiền	15.470.861.565	7.987.212.220
	407.103.351.039	311.899.691.851

31 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**Quản lý rủi ro tài chính**

Các loại rủi ro tài chính của Công ty có thể gặp phải bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Công ty có thể sẽ gặp phải các rủi ro thị trường như: biến động tỷ giá hối đoái, lãi suất.

Rủi ro về tỷ giá hối đoái:

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá khi có các giao dịch thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam như: vay, doanh thu, chi phí, nhập khẩu vật tư, hàng hóa, máy móc thiết bị,...

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

CÔNG TY CỔ PHẦN PIN HÀ NỘI

Số 72, Đường Phan Trọng Tuệ, Thị trấn Văn Điển,
Huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 31/12/2022				
Tiền	14.976.997.877	-	-	14.976.997.877
Phải thu khách hàng, phải thu khác	19.624.738.186	20.000.000	-	19.644.738.186
Các khoản cho vay	10.026.739.726	-	-	10.026.739.726
	44.628.475.789	20.000.000	-	44.648.475.789
Tại ngày 01/01/2022				
Tiền và các khoản trong đờng tiền	21.129.476.056	-	-	21.129.476.056
Phải thu khách hàng, phải thu khác	26.220.890.449	20.000.000	-	26.240.890.449
	47.350.366.505	20.000.000	-	47.370.366.505

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính đến hạn thanh toán do thiếu vốn.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 31/12/2022				
Phải trả người bán, phải trả khác	7.333.781.106	-	-	7.333.781.106
Chi phí phải trả	3.218.899.442	-	-	3.218.899.442
	10.552.680.547	-	-	10.552.680.547
Tại ngày 01/01/2022				
Vay và nợ	21.870.776.420	-	-	21.870.776.420
Phải trả người bán, phải trả khác	27.184.208.621	-	-	27.184.208.621
Chi phí phải trả	2.806.903.732	-	-	2.806.903.732
	51.861.888.773	-	-	51.861.888.773

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là có thể kiểm soát được. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

CÔNG TY CỔ PHẦN PIN HÀ NỘISố 72, Đường Phan Trọng Tuệ, Thị trấn Văn Điển,
Huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

Số dư tại ngày đầu kỳ và kết thúc kỳ kế toán:

Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Thu nhập của các thành viên trong Ban Giám đốc, Hội đồng quản trị và người quản lý khác của Công ty:	2.102.628.800	2.072.967.372
Ông Phạm Văn Nghĩa - Chủ tịch Hội đồng quản trị	235.555.546	342.219.826
Ông Nguyễn Thanh Hùng - Thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc	543.629.305	532.189.784
Ông Nguyễn Cao Sơn - Thành viên Hội đồng quản trị, Phó Giám đốc	421.313.124	424.137.510
Ông Võ Khánh Toàn - Thành viên Hội đồng quản trị, Phó Giám đốc	433.348.275	429.330.697
Ông Tsui Wing Fai - Thành viên Hội đồng quản trị Miễn nhiệm ngày 01 tháng 03 năm 2022	-	36.000.000
Ông Nguyễn Thanh Quang - Thành viên Hội đồng quản trị Miễn nhiệm ngày 29 tháng 04 năm 2022	293.407.550	309.089.555
Ông Yarmalu Prasad Tantry - Thành viên Hội đồng quản trị	29.750.000	-
Bà Quek Guet Ngoh - Thành viên Hội đồng quản trị	145.625.000	-
Thù lao và chi phí hoạt động khác của Ban kiểm soát	199.388.889	173.888.889
Bà Nguyễn Thanh Hải - Trưởng Ban kiểm soát	128.333.333	95.888.889
Ông Nguyễn Thanh Đức - Thành viên Ban kiểm soát	24.000.000	24.000.000
Ông Huỳnh Tín Đình - Thành viên Ban kiểm soát	47.055.556	30.000.000

Ngoài giao dịch với bên liên quan nêu trên, các bên liên quan khác không phát sinh giao dịch trong kỳ và không có số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán với Công ty.

35 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 đã được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC kiểm toán.

Đỗ Thị Lê Mai
Người lập

Nguyễn Thị Thùy Dương
Trưởng phòng TC - KT

Nguyễn Thanh Hùng
Giám đốc

Hà Nội, ngày 09 tháng 03 năm 2023